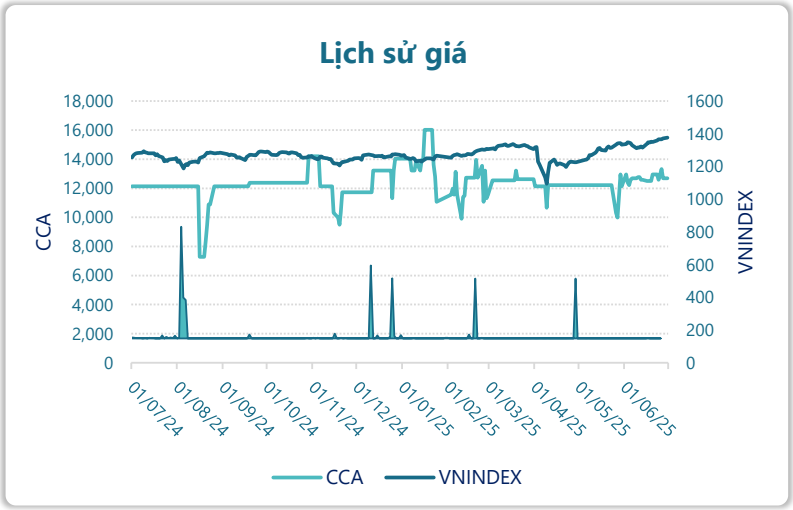
FireAnt

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (UPCOM: CCA)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,021
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,284
SL cổ phiếu LH	18,110,619
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,070
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	248
P/E	7.1
EPS	1,938

DT thuần

Q2/25

479

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 132| 38.1%

YoY: ▲ 157| 48.8%

LN sau thuế

Q2/25

17.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.30| 87.3%

YoY: ▲ 13.0| 274%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

5.5%

+/- YoY: ▲ 2.1%

DT thuần

6T 2025

827

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 211| 34.2%

LN sau thuế

6T 2025

27.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.1| 1140%

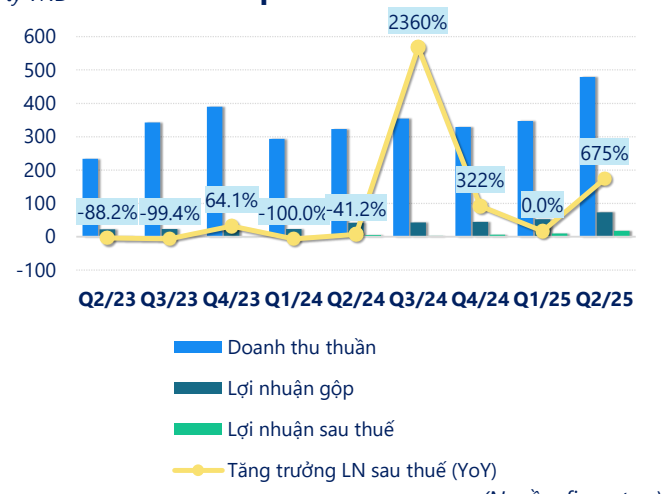
ROE

Q2/25

13.8%

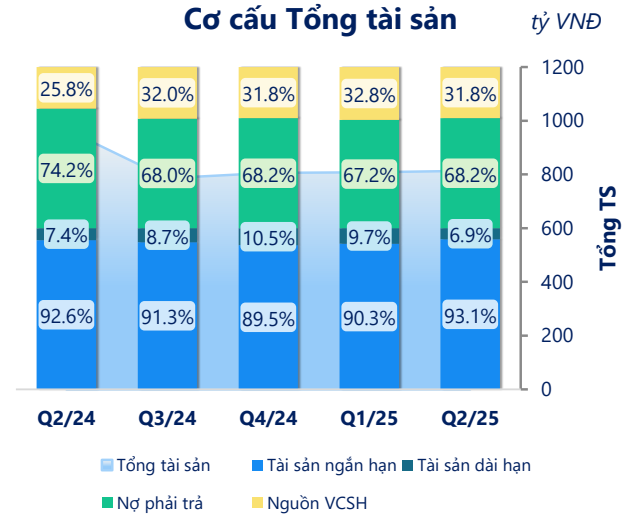
+/- YoY: ▲ 13.3%

Kết quả kinh doanh



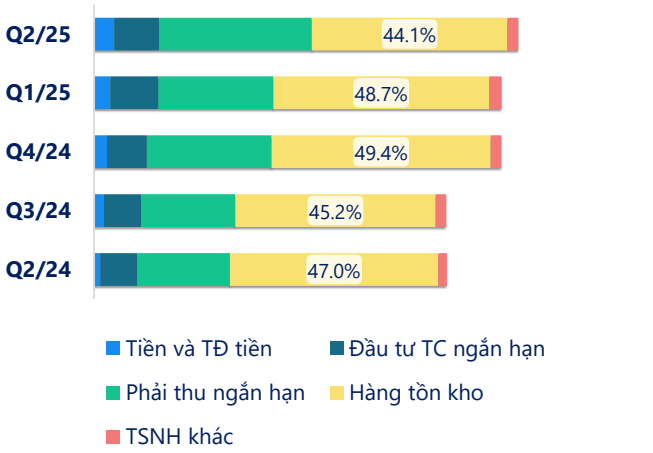
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



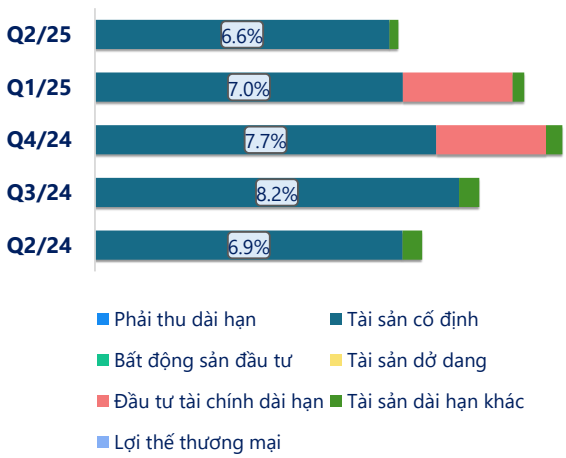
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



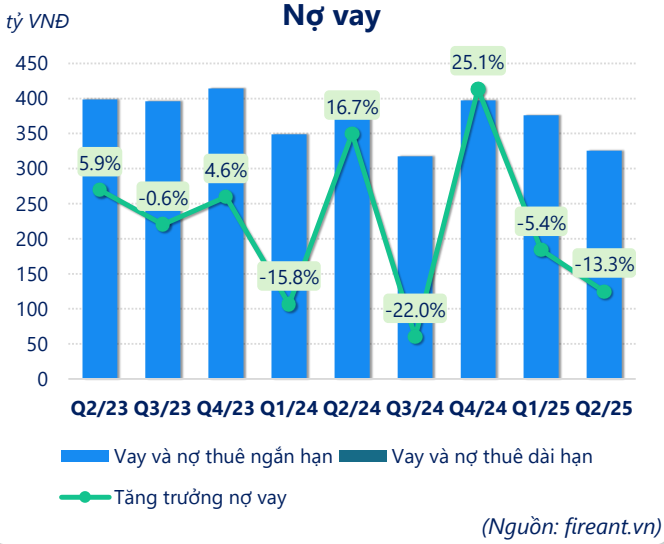
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



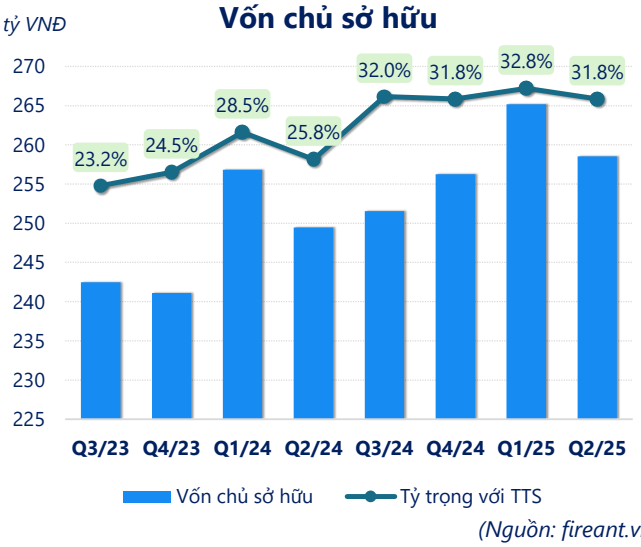
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



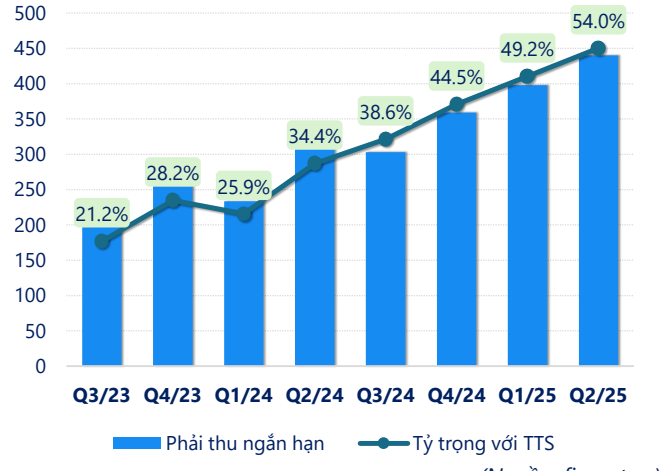
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



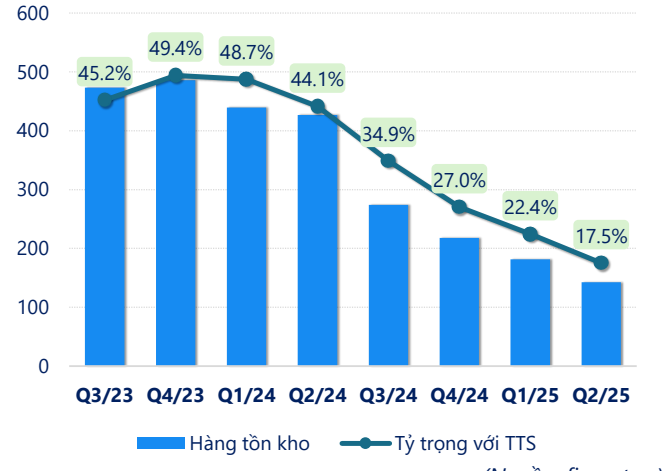
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



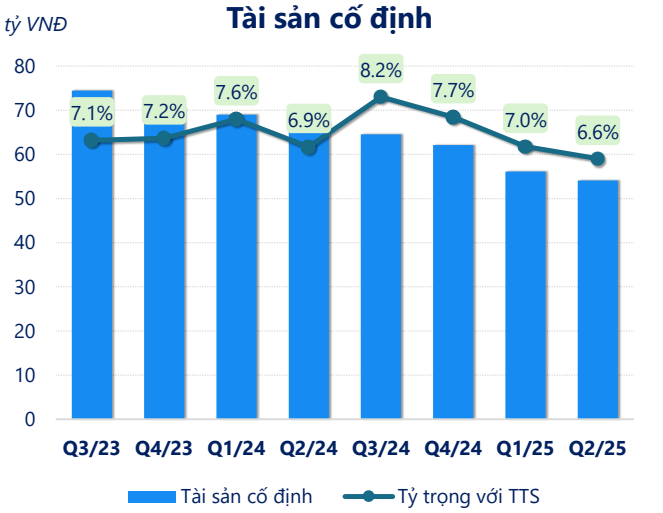
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



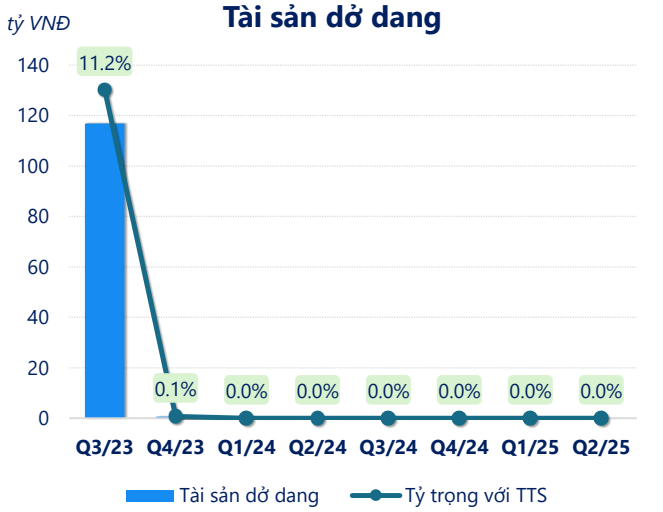
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



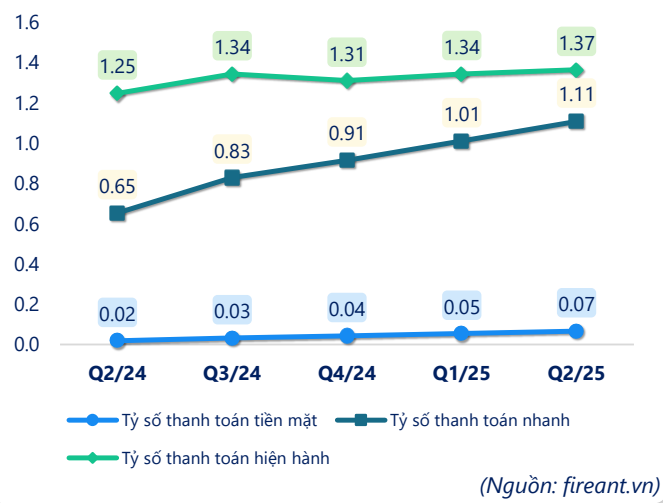
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



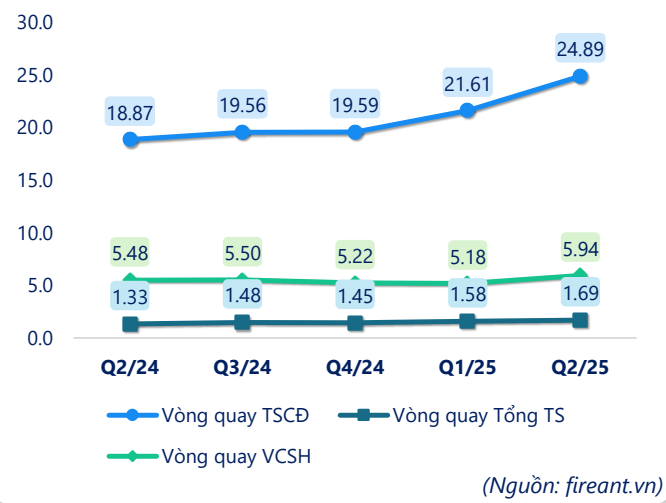
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**968**	**786**	**807**	**808**	**814**
Tài sản ngắn hạn	**896**	**718**	**721**	**729**	**758**
Tiền và tương đương tiền	13.3	17.0	23.6	29.3	36.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	98.5	98.5	98.5	98.5	119
Phải thu ngắn hạn	333	303	359	398	440
Hàng tồn kho	427	274	218	181	143
Tài sản ngắn hạn khác	24.1	24.9	22.6	22.8	20.3
Tài sản dài hạn	**71.4**	**68.2**	**85.1**	**78.2**	**55.8**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	67.2	64.5	62.1	56.1	54.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	20.0	20.0	0
Tài sản dài hạn khác	4.24	3.61	2.95	2.10	1.69
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**718**	**534**	**550**	**543**	**555**
Nợ ngắn hạn	**718**	**534**	**550**	**543**	**555**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	407	318	397	376	326
Phải trả người bán ngắn hạn	162	109	46.4	64.6	70.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**249**	**252**	**256**	**265**	**259**
Vốn chủ sở hữu	**249**	**252**	**256**	**265**	**259**
Vốn điều lệ	151	151	151	151	151
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)